

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2020/HS-ST
Ngày 03/8/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Chang;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Kim Niệm;

Ông Bùi Văn Quang;

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Thành Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Đình Phụng – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 48/2020/TLST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2020/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1990 tại Thanh Hóa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp x, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962 (đã chết) và bà Lê Thị L1, sinh năm 1963; bị cáo có 01 người con sinh năm 2014 (bị cáo đã ly hôn với bà Phan Thị Thu H, sinh năm 1991); tiền án: Ngày 23/11/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xử phạt 06 (sáu) tháng 11 (mười một) ngày tù tại Bản án số 81/2011/HSST, chưa được xóa án tích; tiền sự: Ngày 02/9/2019 bị Công an phường Long Phước, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 0013766/QĐ-XPHC, phạt tiền 1.500.000đ về hành vi “Trộm cắp tài sản” (đã nộp phạt); bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/3/2020 cho đến nay. Có mặt.

- Bị hại:

Ông Lê Đức H1, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp x, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

Ông Nguyễn Minh T1, sinh năm 2001; địa chỉ: Ấp Đ, xã S, huyện P, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Thị X, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp Đ, xã S, huyện P, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt.

Ông Trần Công T2, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ a, khu phố y, phường TĐ, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Phước. Có đơn xin vắng mặt.

Bà Lê Thị H2, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp x, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

Bà Trần Thị Mỹ N, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp NV, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Văn L và ông Lê Đức H1 cùng làm công nhân tại xưởng gỗ Song Toàn, thuộc ấp 3, xã TH, huyện P, tỉnh Bình Dương. Khoảng 13 giờ ngày 21/12/2019, tại xưởng gỗ ST, bị cáo L hỏi mượn xe mô tô biển số 61F1-05269 của ông H1 để đi về nhà một chút thì ông H1 đồng ý và đưa chìa khóa xe cho L. Sau khi mượn được xe của ông Hà, L điều khiển xe mô tô biển số 61F1-05269 đi về nhà tại xã A, huyện P thì gặp bạn của L tên Cảnh (không rõ nhân thân lai lịch), Cảnh nhờ L chở về nhà tại thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Bị cáo L chở Cảnh đi đến thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước và để Cảnh ở trạm xe buýt. Sau đó L đến nhà vợ ở hẻm 13xx, khu phố b, phường TT, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước để thăm con. Sau khi thăm con, L ở lại thành phố Đồng Xoài chơi khoảng 02 ngày. Do hết tiền tiêu xài nên L nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe mô tô biển số 61F1-052xx của ông H1 để lấy tiền tiêu xài cá nhân. L đem xe mô tô biển số 61F1-052xx cầm cố cho ông Trần Công T2, sinh năm 1984, nơi cư trú: tổ 3, khu phố 2, phường Tân Đồng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước với số tiền 3.000.000đ. Sau khi tiêu xài hết số tiền 3.000.000đ thì L gặp ông T2 thỏa thuận bán xe mô tô biển số 61F1-052xx với số tiền 3.500.000đ, ông T2 đồng ý mua xe và đưa cho L thêm số tiền 500.000đ. Sau đó, ông T2 đã bán lại chiếc xe mô tô biển số 61F1-052xx cho người đàn ông tên Vương (không rõ nhân thân lai lịch). Sau khi cho L mượn xe ông H1 đã nhiều lần gọi điện thoại liên lạc với L để yêu cầu trả xe nhưng L trốn tránh và không nghe máy. Sau nhiều ngày không thấy bị cáo L trả xe mô tô nên ngày 04/02/2020, ông H1 đã làm đơn gửi đến Công an xã Tân Hiệp, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương trình báo sự việc.

Ngoài lần phạm tội như trên, quá trình điều tra còn xác định: Khoảng 09 giờ ngày 29/02/2020, L và ông Nguyễn Minh T1, sinh năm 2001, nơi cư trú: ấp Đ, xã S, huyện P, tỉnh Bình Dương (là bạn của L) đến quán cà phê 139 thuộc ấp Bình Tiến, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương để uống cà phê. Tại đây, L hỏi T1 mượn xe mô tô biển số 61F1-401xx của T1 để đi thành phố Đồng Xoài thăm con thì T1 đồng ý và đưa chìa khóa xe cho bị cáo L đi. Sau khi thăm con, L điều khiển xe mô tô biển số 61F1-401xx đi về xã An Bình. Do hết tiền tiêu xài nên L nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe mô tô biển số 61F1-401xx để lấy tiền tiêu xài cá nhân. L đem xe mô tô biển số 61F1-401xx cầm cố cho bà Trần Thị Mỹ N, sinh năm 1990, nơi cư trú: Ấp Bình Thắng, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương với số tiền 4.000.000đ. Sau đó, L quay lại quán cà phê 139. Thấy L không đi xe của mình quay lại quán nên T1 hỏi L thì mới biết L đã cầm cố chiếc xe mô tô biển số 61F1-40138, T1 yêu cầu L chuộc xe

mô tô trả lại cho T1 thì L hứa tối cùng ngày sẽ chuộc lại xe cho Tâm, sau đó L đưa T1 đến cây xăng số 6, thị trấn PV, huyện P, tỉnh Bình Dương chơi để chờ L đi chuộc xe cho Tâm. T1 chơi ở cây xăng chơi cùng bạn và đợi L đến ngày 30/02/2020 không thấy L quay lại nên nhiều lần gọi điện nhưng L không nghe máy. Kể từ đó L trốn tránh không gặp lại T1 và cũng không trả lại xe cho T1. Số tiền 4.000.000đ do cầm cố mô tô biển số 61F1-401xx mà có thì L đã tiêu xài cá nhân hết. Đến giữa tháng 3/2020, L đến nhà bà Trần Thị Mỹ N chuộc lại xe mô tô biển số 61F1-401xx với giá 4.000.000đ để đem xe đi trả cho T1. Nhưng theo lời khai của L sau khi chuộc lại xe thì L điều khiển xe mô tô biển số 61F1-401xx đi đến đập thủy lợi Phước Hòa thuộc xã An Thái, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Khi đi đến địa phận xã Nha Bích, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước thì có một nhóm đối tượng (không rõ nhân lai lịch) chặn và cướp xe mô tô biển số 61F1-401xx (L không trình báo Công an). Sau nhiều ngày không thấy L trả xe mô tô nên T1 đã đến công an xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương trình báo.

Qua quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bản kết luận định giá tài sản ngày 25/3/2020 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Phú Giáo kết luận:

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, biển số: 61F1-052xx, dung tích 110, màu sơn: Đỏ đen, số khung: C640BY551xxx, số máy: 5C64-551xxx xác định có giá trị là 9.000.000đ.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave, biển số: 61F1-401xx, dung tích: 109.1, màu sơn: Đen xám, số khung: 3828KY003xxx, số máy: JA38E0443xxx xác định có giá trị là 11.000.000đ.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, biển số: 61F1-052xx, dung tích 110, màu sơn: Đỏ đen, số khung: C640BY551xxx, số máy: 5C64-551xxx. Sau khi mua của L, ông H1 bán lại cho người đàn ông tên Vương (không rõ nhân thân) nên không thu hồi được.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave, biển số: 61F1-401xx, dung tích 109.1, màu sơn: Đen xám, số khung: 3828KY003xxx, số máy: JA38E0443xxx. Đây là xe của bà Lê Thị X (mẹ của Nguyễn Minh T1), bà X cho T1 mượn để đi, L khai đã bị một nhóm người không rõ nhân thân cướp mất nên không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại Lê Đức H1 yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn L bồi thường số tiền 14.000.000đ, bị cáo L đồng ý bồi thường nhưng chưa thực hiện.

- Bị hại Nguyễn Minh T1 không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo Nguyễn Văn L.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị X là chủ xe mô tô biển số 61F1-401xx yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn L bồi thường số tiền 26.400.000đ, bị cáo L đồng ý nhưng chưa thực hiện.

Đối với hành vi nhận cầm cố xe mô tô của ông Trần Công T2, bà Trần Thị Mỹ N không biết đây là tài sản do L phạm tội mà có nên không đặt vấn đề xử lý đối với ông T2, bà N.

Bản Cáo trạng số 50/CT - VKSPG ngày 29/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật Hình sự).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, đồng thời, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51, các điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đề nghị mức xử phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn L từ 24 (hai mươi bốn) tháng tù đến 30 (ba mươi) tháng tù.

Đồng thời, về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho ông Lê Đức H1 số tiền 14.000.000đ, bồi thường thiệt hại cho bà Lê Thị X số tiền 26.400.000đ.

Tại phiên tòa, bị cáo L không tranh luận gì đối với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại cho ông Lê Đức H1 số tiền 14.000.000đ, không có yêu cầu gì đối với Trần Công T2. Đồng ý bồi thường thiệt hại cho bà Lê Thị X số tiền 26.400.000đ.

Bị hại Lê Đức H1 không có ý kiến gì về tội danh đối với bị cáo, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, ông yêu cầu bị cáo bồi thường cho ông số tiền là 14.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát, bị cáo, bị hại có mặt không ai đề nghị HĐXX hoãn phiên tòa, hồ sơ vụ án thể hiện lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình điều tra đã đầy đủ, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án do đó căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung vụ án: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn L đã khai nhận: Ngày 21/12/2019, bị cáo mượn chiếc xe mô tô biển số 61F1-052xx, nhãn hiệu Yamaha của ông Lê Đức H1 để đi sau đó đã có hành vi bán chiếc xe trên lấy tiền tiêu xài cá nhân. Ngày 29/02/2020, bị cáo mượn chiếc xe mô tô biển số 61F1-401xx của ông Nguyễn Minh T1 để đi sau đó đã có hành vi cầm cố chiếc xe trên lấy tiền tiêu xài cá nhân. Theo Kết luận định giá tài sản ngày 25/3/2020 của

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, kết luận: 01 (một) xe mô tô Honda, số loại Wave, biển số 61F1-401xx, dung tích 109.1, màu sơn: Đen xám, số khung: 3828KY003xxx, số máy: JA38E0443xxx, mua vào tháng 01/2019 (tài sản không thu hồi được) có giá trị tại thời điểm định giá là 11.000.000đ (mười một triệu đồng); 01 (một) xe mô tô Yamaha, số loại Sirius, biển số 61F1-052xx, dung tích 110, màu sơn: Đỏ đen, số khung: C640BY551xxx, số máy: 5C64-551xxx, mua vào tháng 9/2011 (tài sản không thu hồi được), có giá trị tại thời điểm định giá là 9.000.000đ (chín triệu đồng). Bị cáo mượn tài sản của ông H1, ông T1 rồi dùng thủ đoạn gian dối để bán, cầm cố xe cho người khác để chiếm đoạt tài sản, tiêu xài cá nhân. Lời khai nhận của bị cáo thống nhất với nhau và phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo biết hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của các bị hại là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Bị cáo là người đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Như vậy, Cáo trạng số 50/CT - VKSPG ngày 29/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương và phần luận tội tại phiên tòa đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Khi xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo, HĐXX xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo để quyết định mức hình phạt phù hợp với quy định của pháp luật, tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã bị kết án tại Bản án số 81/2011/HSST ngày 23/11/2011 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, bị xử phạt 06 tháng 11 ngày tù, bị cáo chưa chấp hành xong về án phí và chưa nộp tiền thu lợi bất chính để sung quỹ nhà nước, bị cáo chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Người bị hại Lê Đức H1 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Về nhân thân: Ngày 02/9/2019, bị cáo bị Công an phường Long Phước, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 0013766/QĐ-XPHC, phạt tiền 1.500.000đ về hành vi “Trộm cắp tài sản”, bị cáo đã nộp tiền phạt.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo đề nghị xử phạt bị cáo mức hình phạt như trên là phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo nên HĐXX xem xét chấp nhận. Bị cáo, bị hại H1 không có ý kiến tranh luận gì về tội danh, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo mà Viện kiểm sát đề nghị.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Xe mô tô Yamaha, số loại Sirius, biển số 61F1-052xx là của bà Lê Thị H2 (em gái ông Lê Đức H1) cho ông H1 để làm phương tiện đi lại nhưng chưa làm thủ tục sang tên giấy đăng ký xe. Bà H2 không có yêu cầu gì đối với bị cáo L và ông Lê Đức H1. Bị hại Lê Đức H1 yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng), bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại cho ông Hà. Xét đây là thỏa thuận hợp pháp giữa bị cáo với ông H1 nên HĐXX ghi nhận.

Bị hại Nguyễn Minh T1 yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho bà Lê Thị Xlà chủ xe mô tô biển số 61F1-401xx, bà Xí cũng yêu cầu bị cáo bồi thường cho bà số tiền là 26.400.000đ (hai mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng). Bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại cho bà Xí số tiền 26.400.000đ (hai mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng) nên HĐXX ghi nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Công T2 không yêu cầu bị cáo phải trả lại cho ông số tiền mua xe mô tô biển số 61F1-052xx. Bị cáo L cũng không có yêu cầu gì đối với ông Trần Công T2 nên HĐXX ghi nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị N không yêu cầu gì đối với bị cáo.

[6] Đối với hành vi nhận cầm cố và mua chiếc xe mô tô Yamaha, số loại Sirius, biển số 61F1-052xx của bị cáo L, ông Trần Công T2 không biết đây là tài sản do L phạm tội mà có nên Viện kiểm sát không đề cập đến, HĐXX không đặt ra xem xét.

Đối với hành vi nhận cầm cố chiếc xe mô tô Honda, số loại Wave, biển số 61F1-401xx của bị cáo L, bà Trần Thị Mỹ N không biết đây là tài sản do L phạm tội mà có. Bị cáo L đã chuộc lại chiếc xe trên và trả cho bà N số tiền 4.000.000đ là tiền bà N nhận cầm cố xe và đưa cho L, Viện kiểm sát không đề cập đến, HĐXX không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51, các điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/3/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho ông Lê Đức H1 số tiền 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng).

Buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho bà Lê Thị X số tiền 26.400.000đ (hai mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.020.000đ (hai triệu không trăm hai mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư Pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Công an huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Chang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

